

Số: 71 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Thủy Long Group tại Văn bản số 08/CV-TL ngày 25/10/2022 về việc giải trình, chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ Thủy Long" và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 597TTr-STNMT ngày 09 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thủy Long Group (địa chỉ: thôn Bắc Sơn, xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ Thủy Long" với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

- 1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ Thủy Long.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001119306 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/8/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/10/2019.
- 1.4. Mã số thuế: 1001119306.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống, kinh doanh tổng hợp.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của Dự án 4.028,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 686984 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/9/2021.

- Công suất thiết kế của Dự án: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày 17.520 lượt khách/năm; dịch vụ ăn uống 182.500 lượt khách/năm; dịch vụ tổ chức sự kiện (cuối hội, hội nghị, hội thảo,...) 96 lượt khách/năm; bán buôn, bán lẻ hàng hóa trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp 127.750 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Thủy Long Group có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Kiến Xương;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty Cổ phần Thủy Long Group;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



***Lap Văn Hoàn**



Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71/GPMT-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

01 nguồn phát sinh nước thải, gồm: Nước thải sinh hoạt của khách hàng, cán bộ, công nhân viên của dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng tương ứng với 01 nguồn phát sinh nước thải.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương nội đồng thuộc địa phận xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Mương nội đồng thuộc địa phận xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m)= 2257827; Y(m)= 591311

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $1,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{\max} (áp dụng với hệ số $K = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0	
6	Amoni (tính theo N	mg/l	5	

7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án với lưu lượng khoảng $24,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (qua 05 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích $05 \text{ m}^3/\text{bể}$ và 01 thiết bị tách dầu mỡ) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{\max} , hệ số $K = 1,0$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: Javen định mức 03 - 05 g/m^3 nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Tuân thủ đúng các bước vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Lập Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, ghi chép hoạt động của hệ thống hàng ngày; ghi chép cụ thể tình trạng và các biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố.

- Kiểm tra, theo dõi, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải tối thiểu 2 lần/năm.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hệ thống thu gom nước thải hoạt động bình thường trong trường hợp gặp sự cố mất điện.

b) Quy trình ứng phó sự cố:

Trường hợp hệ thống xảy ra hỏng hóc nặng, cần dừng hệ thống, nước thải được lưu trữ tạm thời tại bể điều hòa (có khả năng lưu chứa nước thải trong vòng 17 giờ), nhanh chóng tiến hành sửa chữa kịp thời. Trường hợp nước thải vượt quá khả năng lưu chứa của bể điều hòa, tạm dừng hoạt động dự án để khắc phục, sửa chữa, bảo đảm chỉ xả nước thải đã xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt thiết bị.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án, công suất 30 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của dự án; tại tọa độ: X(m)= 2257827, Y(m)= 591311 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

- Chất ô nhiễm: pH; BOD5 (20⁰C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{max}, hệ số K = 1,0.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m³/ngày đêm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập cho khu vực xung quanh cơ sở.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.



Phụ lục 02

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *71* /GPMT-UBND ngày *14* tháng *11* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại khu vực cổng ra vào của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại khu vực cổng ra vào của dự án, tọa độ X = 2258434; Y = 591317.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các phương tiện di chuyển hạn chế dùng còi trong khu vực.
- Thay thế các thiết bị không đạt kiểm định chất lượng.
- Trồng cây xanh cách ly trong khuôn viên trung tâm thương mại, có khoảng cách phù hợp với các công trình khác đảm bảo giảm thiểu tác động tiếng ồn đến môi trường, đối tượng xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 03

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71/GPMT-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	01
4	Dầu thải	17 06 02	0,5
5	Hộp mực in thải	08 02 04	0,5
	Tổng khối lượng		04

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	182.300
	Tổng khối lượng	182.300

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:
 - + Diện tích 05 m².
 - + Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, nền và mái bê tông.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu

hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích 10 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, nền và mái bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 04

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 71 /GPMT-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp Giấy phép xem xét, giải quyết.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.